

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Hà Nội, tháng 01 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Sĩ Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vinh Sơn	Thành viên
Bà Lưu Thị Việt Hồng	Thành viên
Ông Lê Thành Công	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hào	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Hương Lan	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Sĩ Hải	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hà Trung	Kế toán trưởng

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Số: *88* /2011/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2010, cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cũng như Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 28 tháng 01 năm 2011, trình bày từ trang 6 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau:

Hạn chế do phạm vi công việc bị giới hạn:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 của phần thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm lập báo cáo này chúng tôi chưa thu thập được các thông tin cần thiết liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng và Thương mại Hà Nội. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá rằng liệu có khả năng giảm giá đối với của khoản đầu tư này hay không.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.609.051.590	21.894.107.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.755.306.129	20.414.666.513
1. Tiền mặt tại quỹ	111		7.427.523	171.823.856
2. Tiền gửi ngân hàng	112		468.228.606	10.892.842.657
4. Tương đương tiền	114		6.279.650.000	9.350.000.000
II. Đầu tư ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122	5	3.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130		1.715.666.975	1.420.690.054
1. Phải thu của khách hàng	131		-	9.470.204
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		46.246.698	16.631.454
4. Phải thu khác	134	6	1.669.420.277	1.394.588.396
V. Tài sản lưu động khác	150		138.078.486	58.750.522
1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ	151		-	-
2. Tài sản lưu động khác	152		138.078.486	58.750.522
B-TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		32.905.048.876	22.330.625.273
I. Tài sản cố định	210		546.355.033	751.352.373
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	513.002.166	684.646.622
- Nguyên giá	212		1.024.757.038	996.486.097
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(511.754.872)	(311.839.475)
3. Tài sản cố định vô hình	217	8	33.352.867	66.705.751
- Nguyên giá	218		100.058.635	100.058.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(66.705.768)	(33.352.884)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230		23.529.383.509	12.513.906.000
1. Đầu tư chứng khoán	231	9	23.529.383.509	12.513.906.000
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.829.310.334	9.065.366.900
1. Chi phí trả trước	261		9.310.334	245.366.900
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262	10	8.820.000.000	8.820.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		44.514.100.466	44.224.732.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A-NỢ PHẢI TRẢ	300	11	19.376.304.870	19.143.236.857
I. Nợ ngắn hạn	310		280.316.809	207.503.566
2. Phải trả người bán	312		139.874.543	167.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		48.718.368	38.444.596
4. Phải trả công nhân viên	314		91.491.000	-
7. Phải trả, phải nộp khác	317		232.898	2.058.970
II. Nợ dài hạn	340		19.095.988.061	18.935.733.291
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		6.696.920	3.483.120
3. Phải trả người ủy thác đầu tư	343		19.089.291.141	18.932.250.171
B-NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.137.795.596	25.081.495.505
I. Nguồn vốn	410	12	25.137.795.596	25.081.495.505
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		137.795.596	81.495.505
II - Quỹ	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		44.514.100.466	44.224.732.362

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
Chứng khoán theo mệnh giá	005	24.111.500.000	5.840.000.000



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	13	233.882.913	26.982.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		233.882.913	26.982.095
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		233.882.913	26.982.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	14	3.378.443.712	2.278.478.126
7. Chi phí tài chính	14	15	1.075.143.800	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	16	2.458.959.136	2.245.918.603
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		78.223.689	59.541.618
10. Thu nhập khác	17		-	2.516.000
11. Chi phí khác	18		-	11.423.056
12. Lợi nhuận khác	19		-	(8.907.056)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20		78.223.689	50.634.562
14. Thuế TNDN phải nộp	21		21.923.598	8.861.048
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22		56.300.091	41.773.514



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
- Tiền thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	01	703.671.885	16.577.135.843
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	29.645.865.143	264.100.000
- Trả lãi tiền vay	07	-	(100.000.000)
- Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(84.585.230)	(151.406.359)
- Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(980.834.091)	(840.009.962)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(30.261.002.726)	(1.163.083.979)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(976.885.019)	14.586.735.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31	(28.270.941)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	-	2.516.000
- Tiền đầu tư chứng khoán	33	(70.290.000.000)	(35.948.084.899)
- Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	58.188.597.245	21.314.064.090
- Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	2.447.198.331	1.433.982.140
- Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39	(3.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	(12.682.475.365)	(13.197.522.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
- Tiền đi vay	43	-	3.528.980.475
- Tiền trả nợ vay	44	-	(3.528.980.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60	(13.659.360.384)	1.389.212.874
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	70	20.414.666.513	19.025.453.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	90	6.755.306.129	20.414.666.513



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định của ủy ban chứng khoán nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, Số 141, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2010, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 31/12/2010 đã hoàn thành 100%. (Việc góp vốn chi tiết xem tại thuyết minh 12).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành và có hiệu lực cho năm tài chính 2010 và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được phản ánh theo giá gốc.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

3.7 QUỸ DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẮT VIỆC LÀM

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm Công ty trích vào chi phí kinh doanh hàng năm trên cơ sở 1% quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội phù hợp theo hướng dẫn tại thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm. Khi số dư quỹ dự phòng vượt quá 03 lần quỹ lương tháng của toàn Công ty thì dừng trích dự phòng. Khi số dư Quỹ dự phòng không đủ 3 tháng lương thì tiếp tục trích bổ sung quỹ. Chênh lệch giữa chi phí thực tế và quỹ trích lập được ghi nhận trực tiếp vào kết quả kinh doanh kỳ phát sinh.

3.8 PHẢI TRẢ NHÀ THÀNH THÁC ĐẦU TƯ

Các khoản phải trả nhà ủy thác đầu tư bao gồm toàn bộ tiền vốn ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư, các khoản lãi, lỗ phát sinh từ hoạt động đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết, các điều khoản của hợp đồng được các bên thực hiện và nhà ủy thác đầu tư thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu ủy thác đầu tư được ghi nhận khi hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng ủy thác được cam kết thực hiện, bên nhận ủy thác thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán đầu tư đem bán.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN NGẮN SÁCH

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20/10/2004 về việc hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, thì các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 01/01/2010 VND	Phát sinh tăng trong năm VND	Phát sinh giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	171.823.856	40.099.125.413	40.263.521.746	7.427.523
Tiền gửi ngân hàng	5.877.562.486	84.534.413.256	90.191.704.425	220.271.317
Tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư (1)	5.015.280.171	20.944.049.349	25.711.372.231	247.957.289
Các khoản tương đương tiền (2)	9.350.000.000	26.001.856.667	29.072.206.667	6.279.650.000
Cộng	20.414.666.513	171.579.444.685	185.238.805.069	6.755.306.129

(1) Tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư chỉ dùng cho mục đích đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư; chi tiết số dư tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư xem thêm tại thuyết minh số 11.

(2) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Giá trị khoản đầu tư ngắn hạn tại 31/12/2010 là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn, theo hợp đồng tiền gửi số Số 04/SCB-VFC/2010 ngày 30/11/2010, với thời hạn 6 tháng, lãi suất 12%/năm.

6. PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Phí quản lý - Công ty Cổ phần Phần mềm Việt	1.377.801.924	1.213.897.010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn	135.844.960	-
Tiền đặt cọc thuê nhà 3 tháng - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo Hiểm Quốc Gia Việt Nam	105.446.192	105.446.192
Lãi tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	38.393.111
Lãi tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại Quốc Doanh Việt Nam	-	36.852.083
Phải thu khác	50.327.201	-
Cộng	1.669.420.277	1.394.588.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2010	250.615.297	745.870.800	996.486.097
Tăng trong năm	28.270.941	-	28.270.941
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2010	<u>278.886.238</u>	<u>745.870.800</u>	<u>1.024.757.038</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2010	(116.492.364)	(195.347.111)	(311.839.475)
Trích khấu hao trong năm	(93.362.429)	(106.552.968)	(199.915.397)
- Trích khấu hao trong kỳ	(85.109.040)	(106.552.968)	(191.662.008)
- Tăng khác	(8.253.389)	-	(8.253.389)
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2010	<u>(209.854.793)</u>	<u>(301.900.079)</u>	<u>(511.754.872)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2010	<u>134.122.933</u>	<u>550.523.689</u>	<u>684.646.622</u>
Tại 31/12/2010	<u>69.031.445</u>	<u>443.970.721</u>	<u>513.002.166</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố vô hình ngày 31/12/2010 là “Phần mềm kế toán” có nguyên giá là 100.058.635 đồng và giá trị hao mòn lũy kế là 66.705.768 đồng, thời gian khấu hao 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Chi tiêu	Giá trị tại	Mua		Bán		Giá trị tại
	01/01/2010	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	31/12/2010
1. Chứng khoán kinh doanh	10.526.936.000	3.766.092	70.290.000.000	1.909.000	57.290.000.000	23.526.936.000
- Cổ phiếu	10.526.936.000	3.266.092	20.290.000.000	1.409.000	7.290.000.000	23.526.936.000
+ Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt (1)	1.163.640.000	-	-	-	-	1.163.640.000
+ Công ty cổ phần Công nghệ Hệ tăng và Thương mại Hà Nội (2)	-	1.920.000	4.090.000.000	900.000	-	4.090.000.000
+ Ngân hàng Cổ phần TM Kỳ Thương Việt Nam (3)	-	146.092	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
+ Công ty cổ phần Phần mềm Việt Quốc Tế (4)	5.273.296.000	-	-	-	-	5.273.296.000
+ Công ty cổ phần công nghệ hạ tầng E-RRP_VN (5)	4.090.000.000	-	-	409.000	4.090.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Trường Phúc (6)	-	1.100.000	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần ưu thế Dịch vụ Ngân Hàng Hưu	-	100.000	3.200.000.000	100.000	3.200.000.000	-
- Trái phiếu	-	500.000	50.000.000.000	500.000	50.000.000.000	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-
2. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.986.970.000	2.018	-	26.960	1.984.522.491	2.447.509
- Cổ phiếu	1.986.970.000	2.018	-	26.960	1.984.522.491	2.447.509
+ Ngân hàng Á Châu (ACB)	722.580.000	352	-	15.300	720.132.491	2.447.509
+ Công ty cổ phần đầu tư KD nhỏ (ITC)	843.760.000	-	-	19.000	843.760.000	-
+ Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan đầu khí (PVD)	420.630.000	1.666	-	1.660	420.630.000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-	-	-
3. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	12.513.906.000	3.768.110	70.290.000.000	1.935.960	59.274.522.491	23.529.383.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

- (1) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tri Việt theo hợp đồng mua ngày 01/12/2009 và theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tri Việt ngày 05/12/2009. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tri Việt phát hành với số lượng 1.500 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, và tổng giá trị chuyển nhượng là 1.163.640.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.
- (2) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty CP Công nghệ Hạ tầng thương mại Hà Nội do Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng E-RRP-VN nắm giữ, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và Biên bản thanh toán hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 26/02/2010. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty CP Công nghệ Hạ tầng Thương mại Hà Nội phát hành với số lượng là 1.020.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần, và tổng giá trị chuyển nhượng 4.090.000.000 đồng.
- (3) Khoản đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng TM Cổ phần Kỹ thương Việt Nam do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nắm giữ theo Đơn đề nghị kiểm tra thuận về việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần ngày 21/09/2010. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Ngân hàng Cổ phần TM Kỹ thương Việt Nam phát hành với số lượng là 146.092 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần, và tổng giá trị chuyển nhượng 2.000.000.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty đánh giá các cổ phiếu Công ty tự đầu tư trên không có dấu hiệu suy giảm giá trị.

- (4) Khoản đầu tư cổ phiếu có thời hạn vào Công ty CP Phần mềm Việt Quốc Tế theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty CP Phần Mềm Việt số 01R/2008/VFC-DT ngày 05/06/2008, phụ lục số 01 ký ngày 06/10/2009 và Biên bản thỏa thuận gia hạn hợp đồng ngày 31/12/2010. Theo đó, Công ty mua cổ phiếu do Công ty CP Phần mềm Việt Quốc tế phát hành của Công ty cổ phần Phần Mềm Việt với số lượng là 130.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, giá chuyển nhượng là 40.563 đồng/cổ phần tương ứng với tổng số tiền là 5.273.296.000 đồng. Đến ngày 30/09/2011 Công ty Cổ phần Quỹ Việt Cát sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ số lượng cổ phiếu trên cho Công ty Cổ phần Phần mềm Việt với giá trị 5.273.296.000 đồng. Công ty Cổ phần Phần mềm Việt có nghĩa vụ thanh toán phí giao dịch, phí quản lý cho Công ty CP Quản lý Quỹ Việt Cát.
- (5) Khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Công nghệ Hạ tầng E-RRP-VN theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 07/VFC/2009/HDQLDMDT ngày 01/12/2009 của nhà ủy thác đầu tư Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty CP Công nghệ Hạ tầng E-RRP-VN phát hành với số lượng là 409.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần 10.000 đồng/cổ phần với tổng giá mua là 4.090.000.000 đồng. Năm 2010, Nhà ủy thác đầu tư Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt đã thu hồi lại khoản đầu tư trên. (Chi tiết xem thêm tại thuyết minh số 11).
- (6) Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Phúc theo các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư của các nhà ủy thác đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt, số tiền: 9.000.000.000 đồng, Ông Nguyễn Cảnh Vinh, số tiền 1.000.000.000 đồng và Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, số tiền: 1.000.000.000 đồng. (Chi tiết xem thêm tại thuyết minh số 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CÁC KHOẢN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

Giá trị khoản ký quỹ ký cược tại ngày 31/12/2010 là khoản đặt cọc mua 360.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Archi Reenco Hòa Bình với tổng số tiền là 8.820.000.000 đồng. Trong đó Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát đặt cọc mua 40.000 cổ phần với tổng số tiền là 980.000.000 đồng. Còn lại 320.000 cổ phần với tổng số tiền là 7.840.000.000 đồng theo các Hợp đồng Quản lý danh mục đầu tư sau:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn đặt cọc mua số lượng 20.000 cổ phần, tương ứng 490.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Hồng Thái đặt cọc mua số lượng 80.000 cổ phần, tương ứng 1.960.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Trường Minh đặt cọc mua số lượng 10.000 cổ phần, tương ứng 245.000.000 đồng.
- Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt đặt cọc mua số lượng 100.000 cổ phần, tương ứng 2.450.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Việt Anh đặt cọc mua số lượng 110.000 cổ phần, tương ứng 2.695.000.000 đồng.

(Chi tiết hợp đồng ủy thác đầu tư của các Nhà ủy thác đầu tư xem tại thuyết minh số 11).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
Số 141, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

II. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

CHỈ TIÊU	Tại ngày 01/01/2010		Phát sinh trong năm		Tại ngày 31/12/2010		Số tiền tranh chấp mất khả năng thanh toán
	Tổng	Trong đó	Tăng	Giảm	Tổng	Trong đó	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
I - Nợ ngắn hạn	207.503.566	-	53.706.525.887	53.633.712.644	280.316.809	-	-
- Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-
- Phải trả cho người bán	167.000.000	-	52.243.287.543	52.270.413.000	139.874.543	-	-
- Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	38.444.596	-	112.248.305	101.974.533	48.718.368	-	-
- Phải trả nhân viên	-	-	1.196.782.739	1.105.291.739	91.491.000	-	-
- Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	2.058.970	-	154.207.300	156.033.372	232.898	-	-
II - Nợ dài hạn khác	18.935.733.291	-	13.162.552.247	13.002.297.477	19.095.988.061	-	-
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.483.120	-	3.213.800	-	6.696.920	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	-	-	-	-	-	-
- Phải trả người ủy thác đầu tư	18.932.250.171	-	13.159.338.447	13.002.297.477	19.089.291.141	-	-
+ Nhận ủy thác của Công ty TNHH tư vấn Thành Đạt	6.722.320.872	-	11.004.526.181	6.170.277.143	11.556.569.910	-	-
(1)							
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng TMCP Liên Việt (2)	6.611.884.173	-	130.064.720	6.698.316.480	43.632.413	-	-
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng Việt Anh (3)	2.798.956.601	-	2.296.464	64.470.874	2.735.782.191	-	-
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng Hàng Hải (4)	2.035.550.870	-	1.668.177	46.960.043	1.999.259.004	-	-
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng Trường Minh (5)	254.542.314	-	210.672	6.054.186	248.698.800	-	-
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng Anh Tuấn (6)	508.995.341	-	419.563	11.897.961	497.516.943	-	-
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng Thị Thanh Thủy (7)	-	-	1.010.076.335	2.160.395	1.007.915.940	-	-
+ Nhận ủy thác của Ngân hàng Cảnh Vinh (8)	-	-	1.010.076.335	2.160.395	1.007.915.940	-	-
	19.143.236.857	-	66.869.078.134	66.636.010.121	19.376.304.870	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

II. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ (TIẾP)

Chi tiết các khoản phải trả:

STT	Nhà ủy thác đầu tư	Hợp đồng ủy thác	Hạn mức VND	Phải trả vốn ủy thác		Tài sản nhà ủy thác đầu tư		
				VND	VND	Tiền gửi nhà ủy thác đầu tư VND	Đầu tư chứng khoán VND	Khoản đặt cọc
(1)	Công ty TNHH tư vấn đảo tạo Thành Đạt	Số 03/2010/HĐQLDMĐT Ngày 01/07/2010 và Phụ lục Danh mục đầu tư số 01, số 02 ngày 01/07/2010	11.638.850.000	11.556.569.910	106.569.910	9.000.000.000	2.450.000.000	
(2)	Ngân hàng TMCP Liên Việt	Số 2009/HĐQLDMĐT/LienvietBank-VFC ngày 28/04/2009	100.000.000.000	43.632.413	41.184.904	2.447.509	-	
(3)	Ông Nguyễn Việt Anh	Số 07/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	2.902.725.000	2.736.782.191	41.782.191	-	2.695.000.000	
(4)	Ông Nguyễn Hồng Thái	Số 03/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	2.111.100.000	1.990.259.004	30.259.004	-	1.960.000.000	
(5)	Ông Nguyễn Trường Minh	Số 04/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	263.975.000	248.698.800	3.698.800	-	245.000.000	
(6)	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Số 02/VFC/2009/HĐQLDMĐT ngày 03/12/2009	527.850.000	497.516.943	7.516.943	-	490.000.000	
(7)	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 01/2010/HĐQLDMĐT ngày 01/07/2010 và Phụ Lục Danh mục đầu tư số 01	1.000.000.000	1.007.915.940	7.915.940	1.000.000.000	-	
(8)	Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Số 02/2010/HĐQLDMĐT ngày 01/07/2010 và Phụ Lục Danh mục đầu tư số 01	1.000.000.000	1.007.915.940	7.915.940	1.000.000.000	-	
				19.089.291.141	246.843.632	11.002.447.509	7.840.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
I - Nguồn vốn	25.081.495.505	56.300.091	-	25.137.795.596
- Vốn kinh doanh	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
- Lợi nhuận tích lũy	81.495.505	56.300.091	-	137.795.596
II - Quỹ	-	-	-	-
Cộng	25.081.495.505	56.300.091	-	25.137.795.596

12.2 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GÓP VỐN ĐIỀU LỆ THEO DĂNG KÝ KINH DOANH

Cổ đông sáng lập	Theo cam kết		Tại ngày 31/12/2010		
	Cổ phần đăng ký CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tổng CP	Vốn điều lệ thực góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Ông Nguyễn Hà Trung	800.000	32,0%	800.000	8.000.000.000	32,0%
Ông Phạm Sĩ Hải	450.000	18,0%	450.000	4.500.000.000	18,0%
Ông Lê Thành Công	300.000	12,0%	300.000	3.000.000.000	12,0%
Bà Nguyễn Thị Hào	250.000	10,0%	250.000	2.500.000.000	10,0%
Bà Lưu Thị Việt Hồng	225.000	9,0%	225.000	2.250.000.000	9,0%
Công ty Cổ phần Nhất Vinh	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Phạm Thu Trang	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Bà Nguyễn Hương Lan	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Cộng	2.500.000	100%	2.500.000	25.000.000.000	100%

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	233.882.913	26.982.095
Cộng	233.882.913	26.982.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.438.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền cho vay	572.640.537	2.278.478.126
Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	984.035.388	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	383.767.787	-
Cộng	3.378.443.712	2.278.478.126

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	995.000.000	-
Phí giao dịch ngân hàng	80.143.800	-
Cộng	1.075.143.800	-

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	1.228.905.192	954.665.633
Chi phí thuê văn phòng	397.679.296	460.725.181
Chi phí khấu hao TSCĐ	228.482.543	229.491.768
Chi phí vận chuyển	122.056.150	132.928.350
Chi phí đào tạo cho nhân viên	4.000.000	16.339.545
Chi phí vật liệu, dụng cụ	124.685.101	118.150.094
Chi phí tiếp khách	34.694.065	30.743.581
Chi phí thuê dịch vụ bên ngoài	115.836.097	113.483.193
Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	77.979.800	77.325.175
Chi phí điện thoại, liên lạc	50.585.049	23.143.421
Thuế, phí và lệ phí	20.216.913	10.109.238
Chi phí khác	53.838.930	78.813.424
Cộng	2.458.959.136	2.245.918.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

17.1 CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2009
	%	%
1. Cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định và Đầu tư dài hạn/ Tổng tài sản	73,92	50,49
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	26,08	49,51
2. Tỷ suất sinh lợi		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	24,07	154,82
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp	0,23	0,17
3. Tình hình tài chính		
- Tổng nợ phải trả/ Tổng tài sản	43,53	43,29
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	3.480,10	9.838,22
- Tài sản cố định/ Vốn chủ sở hữu	2,17	3,00

17.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán.



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Hà Trung
Kế toán trưởng